

# BỘ VÌ 6 HÀNG CHÂN TRONG KIẾN TRÚC GỖ CỔ TRUYỀN TẠI CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HOÁ KHU VỰC PHÍA BẮC

NGUYỄN VĂN TIẾN

## Tóm tắt

*Kiến trúc cổ Việt Nam trải qua nhiều thời kỳ biến đổi, trong đó có những tiếp xúc, giao lưu và chịu ảnh hưởng của những nền kiến trúc khác từ bên ngoài Việt Nam. Đó là những diễn biến bình thường trong nhiều hoạt động của một đất nước. Ở thời Lý - Trần, chúng ta có kiểu bộ vì với 4 hàng chân cột. Sang thời Lê, chúng ta có kiểu vì với 6 hàng chân cột. Đến thời Nguyễn, chúng ta có cả 2 loại kiểu vì nói trên. Bài viết này chúng tôi muốn giới thiệu chủ yếu kiểu vì 6 hàng chân cột trong một số công trình kiến trúc tôn giáo trên lãnh thổ khu vực phía Bắc Việt Nam*

**Từ khóa:** Kiến trúc gỗ, bộ vì, hàng chân

## Abstract

*Vietnam ancient architecture of has experienced many periods of change, in which having the contacts, exchanges and bearing the influence of other architectures outside Vietnam. Those are normal development in many activities of a country. In Ly - Tran dynasty period, we had type of rafter with 4 pillar . Coming to Le dynasty period, we had type of rafter with 6 pillar. In Nguyen dynasty period, we had both above rafter types. This article mainly introduces the rafter with 6 pillar in some religious architecture works in the northern area of Vietnam.*

**Keyword:** Wood architecture, rafters, pillar line

**D**i tích lịch sử - văn hoá là những dấu tích, dấu vết hoạt động của con người còn sót lại trong quá trình lịch sử. Ngày nay hầu hết các di tích lịch sử - văn hoá ở khu vực phía Bắc đều có niên đại từ thời hậu Lê (1533) trở lại đây. Các di tích kiến trúc gỗ có niên đại thuộc thời Lý hiện không còn. Thời Trần hiện chỉ còn lại những mảng vụn của bộ khung gỗ ở thượng điện chùa Dầu (Bắc Ninh), thượng điện chùa Bối Khê (Hà Nội), thượng điện chùa Thái Lạc (Hưng Yên). Ngày nay do không để ý, nhiều di tích kiến trúc gỗ

được trùng tu lại với bộ khung chịu lực được thay thế bằng những vật liệu siêu bền xi măng cốt thép. Điều này không những không mang lại giá trị kiến trúc cổ truyền mà sau nhiều năm, giá trị của các công trình nói trên không mang lại nhiều như mong muốn của các nhà khoa học trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa.

## 1. Một số vấn đề chung.

Như chúng ta đã biết, kiến trúc gỗ cổ truyền được thể hiện trong các công trình kiến trúc tôn giáo là loại bộ phận chịu lực chính dựa

hoàn toàn vào các cây cột trong các bộ vì kèo khung nhà. Toàn bộ sức nặng của bộ mái được chuyển tải đều xuống những hàng chân cột được kê trên những chân tảng chủ yếu được làm từ đá xanh với độ to nhỏ, dày mỏng khác nhau tùy theo từng vị trí của các cây cột trong toà nhà. Bởi vậy, trong các công trình này, người ta đã không phải dùng đến hệ thống tường, hoặc các cây dầm chịu lực. Và, nếu công trình nào có tường xây bằng gạch thì đó chỉ là tường ngăn, tường có chức năng bao che hoặc có tính chất bảo vệ, hoặc là được xây dựng về sau này vào thời Nguyễn hoặc Nguyễn muộn mà thôi. Như vậy có thể nói rằng bộ vì chiếm giữ một vị trí vô cùng quan trọng trong một đơn nguyên kiến trúc, bởi vì ở đó có các cây cột chịu lực là phần tạo nên khung nhà cột của cả toà nhà. Để hình thành nên một bộ vì, trong kiến trúc cổ, người ta đã sử dụng chủ yếu là các cây cột tròn bằng gỗ được bào nhẵn xung quanh. Chiều cao và đường kính của các cây cột này phụ thuộc vào độ to hay nhỏ của các đơn nguyên kiến trúc trong một công trình.

Vào thời Lý - Trần, với độ rộng của lòng nhà vừa phải, người ta đã và thường sử dụng 4 cột trong một bộ vì và được các nhà khoa học gọi loại vì này là vì 4 hàng chân cột (vì 4 hàng chân) gồm có 2 cột cái và 2 cột quân. Ví dụ như ở chùa Thầy (Hà Nội), cả ba đơn nguyên kiến trúc chính là tiền đường, điện phật và điện thánh, các bộ vì của các toà nhà này đều có 4 hàng chân cột. Sang đến thời hậu Lê, do nhu cầu cần mở rộng lòng nhà người ta đã thêm 2 cột nữa là 2 cột hiên để tạo thành bộ vì 6 hàng chân (bộ vì có 6 cột) gồm 2 cột cái, 2 cột quân và 2 cột hiên. Như vậy, bộ vì 6 hàng chân cột xuất hiện trong lịch sử kiến trúc cổ, về thời gian được tính từ thế kỷ XVI. Do đó, để hình thành các đơn nguyên kiến trúc, người ta chỉ việc nối các bộ vì với nhau để tạo thành các gian. Ví dụ để có căn nhà 3 gian, người ta cần phải có 4 bộ vì. Muốn có ngôi nhà 5 gian, cần

phải có 6 bộ vì và muốn có ngôi nhà 7 gian, cần phải có 8 bộ vì. Trong các công trình kiến trúc tôn giáo, người ta thường kiêng làm các gian chẵn, ví dụ không có công trình nào có 2,4,6,8 gian cả, các gian trong một đơn nguyên phải là số lẻ như 1,3,5,7,9. Và trên thực tế, đơn nguyên nào nếu muốn rộng thêm chút, người ta thường mở rộng chiều dài với kích thước ngắn hơn 2 gian, trong kiến trúc được gọi là dĩ hay (chái). Ví dụ thực hiện chủ trương của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà là tiêu thổ kháng chiến, một số công trình kiến trúc tôn giáo được tháo dỡ, cất dấu hoặc di dời đi nơi khác như đình Diêm thuộc thôn Viêm Xá, xã Hoà Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Hoà bình lập lại khi dựng lại, đình thì xảy ra hiện tượng thiếu nguyên vật liệu cho nên hiện nay ở toà đại đình chỉ đủ nguyên vật liệu để dựng lại 1 gian 2 chái.

Trong một bộ vì, các cột lại được liên kết với nhau bằng những cấu kiện khác như: câu đầu, kê, xà, con rường mà trong kiến trúc hay được sử dụng với thuật ngữ kết cấu. Các cấu kiện liên kết kiến trúc cho một bộ vì đã tạo ra độ chắc chắn hơn cho những cây cột chịu lực, góp phần chuyển tải đều độ nặng của bộ mái xuống từng chân cột cụ thể của công trình. Thời Lý - Trần do diện tích lòng nhà tương đối hẹp, một bộ vì chỉ có 4 hàng chân, do đó để liên kết các cột với nhau, người ta thường dùng hệ thống câu đầu để nối cột cái với cột cái. Còn để nối cột cái với cột quân, người ta thường dùng một chiếc kê suốt nối. Chiếc kê này sau khi nối cột cái qua cột quân vươn ra đỡ mái hiên. Có thể nói việc dùng chiếc kê suốt để liên kết các cột trong một bộ vì, theo một số nhà nghiên cứu lịch sử kiến trúc thì đó là kiểu liên kết thuần túy Việt Nam, chưa có sự lai tạp của kiến trúc Trung Hoa. Sang đến thời hậu Lê, do yêu cầu cần mở rộng lòng nhà, người ta đã tìm cách mở rộng ra hai phía của 2 cột quân bằng cách thêm vào mỗi phía một cột hiên.

Lúc này mỗi bộ vì sẽ có thêm 2 cột và trở thành vì mới có 6 cột, còn được gọi là vì 6 hàng chân. Để liên kết các cột với nhau, nếu như vào thời Lý - Trần, người ta chỉ dùng câu đầu và chiếc kê suốt là đủ cho sự liên kết cột thì bây giờ trong liên kết giữa các cột với nhau đã có sự thay đổi. Nối cột cái với cột cái vẫn là câu đầu như cũ, nhưng nối cột cái với cột quân thay vì chiếc kê suốt của thời trước, người ta đã thay bằng một thanh xà ngắn gọi là xà nách. Một đầu xà nách ăn mộng vào cột cái, đầu phía kia kê lên cột quân mà không có mộng liên kết. Bên trên xà nách, có những con rường chống lên nhau (con rường là những thanh gỗ ngắn), càng lên cao càng ngắn dần theo chiều dốc của mái. Ở đây, rường một đầu ăn mộng vào cột cái, chỉ toả về một phía, nên được gọi là rường cánh. Các rường cánh làm thành một hình tam giác vuông được gọi là cốn, mà cạnh đứng của nó là một phần của cột cái. Phần liên kết còn lại, nối từ cột quân ra cột hiên, người ta thường hay dùng chiếc kê với hình hơi cong. Chiếc kê này được ăn mộng từ đầu cột quân giữa lòng nhà, đầu của nó đỡ phần dưới xà nách tạo thành đầu dư, phần cuối của chiếc kê xuyên qua cột hiên và vươn ra đỡ chiếc hoành cuối cùng của bộ mái. Chiếc hoành cuối cùng này của mái thường là một thanh gỗ to dày, gọi là lá tàu, chạy suốt chiều dài của mái và rộng dần ở hai đầu cho tới tận góc đao. Thuật ngữ kiến trúc thường gọi thanh hoành to dày này là tầu đao (thường là cái tầu đao trong kiểu kiến trúc tầu đao lá mái). Chiếc hoành trên cùng, cũng là điểm xuất phát của những chiếc hoành thuộc về mái trước và mái sau được gọi là thượng lương. Sự liên kết giữa các cột trong một bộ vì ở Việt Nam từ thế kỷ XVI trở đi được các nhà nghiên cứu cho là đã có sự pha tạp, chịu sự ảnh hưởng của kiến trúc Trung Hoa.

Ngoài các bộ vì và các bộ phận liên kết trong bộ vì, trong kiến trúc cổ còn có những cấu kiện kiến trúc khác dùng để liên kết các vì

với nhau theo chiều dài của ngôi nhà được gọi là hoành (dàn gian gọi là đòn tay). Từ thượng lương, có những miếng gỗ dài, mỏng được xếp đều ở phần nửa mái xuống đến giọt gianh được gọi là dui.

## 2. Tìm hiểu một số đơn nguyên kiến trúc với bộ vì 6 hàng chân cột

### \* Kiến trúc đình làng Mông Phụ:

Đình làng Mông Phụ thuộc thôn Mông Phụ, xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Đình có niên đại khởi dựng thời hậu Lê, khoảng năm 1653. Đình đã qua nhiều lần trùng tu vào các thế kỷ XVIII, XIX, XX và lần gần đây nhất, thế kỷ XXI. Hiện tại đình có kết cấu chữ đình, bao gồm toà đại đình và hậu cung. Toà đại đình có ba gian hai chái. Bốn bộ vì của toà đại đình, mỗi bộ vì có sáu hàng chân cột, các cột được liên kết với nhau như sau: Nối cột cái với cột cái là một câu đầu to khoẻ, nối cột cái với cột quân là xà nách và những con rường. Từ cột quân ra đến mái hiên là một chiếc kê. Đình Mông Phụ hiện còn lưu giữ được toàn bộ hệ thống ván sàn đình, những ván sàn đình này có thể gợi ý cho chúng ta nhớ về nguồn gốc xa xưa của ngôi đình. Nhưng xét về mặt kiến trúc thì hệ thống ván sàn đã làm cho hệ thống khung gỗ của đình trở nên vững chắc hơn.

### \* Kiến trúc đình làng Phù Lão:

Đình Phù Lão thuộc làng Phù Lão, xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Đình được khởi dựng vào khoảng thế kỷ XVII, hậu cung mới được xây dựng lại và được trùng tu nhiều lần.

Toà đại đình gồm bảy gian, dài 23m, rộng 12m, với 8 vì kèo, 6 hàng chân cột. Các vì kèo liên kết theo lối thượng rường - hạ kê, kết hợp kê moi ở 4 góc. Bốn cột ở giữa có bốn bức cốn chạy dài cả gian tạo nên bốn mảng trang trí lớn.

Đình hiện không còn hệ thống ván sàn, nhưng những lỗ đục còn lại ở các cột cho chúng ta biết, trước đây đình đã từng có ván sàn đình.

*\* Kiến trúc đình làng Viêm Xá (đình Diễm).*

Đình làng Diễm thuộc thôn Viêm Xá, xã Hoà Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Đình được khởi dựng vào thời hậu Lê (1692). Đình đã trải qua nhiều đợt trùng tu vào các thế kỷ XVIII, XIX. Trước năm 1945, người ta còn được chiêm ngưỡng ngôi đình bề thế có bình đồ chữ công ( I ), với toà đại đình 5 gian 2 chái cùng 1 toà tiền tế 5 gian và hai bên hai nhà tả hữu mạc. Năm 1946, đình được tháo dỡ để phục vụ công cuộc tiêu thổ kháng chiến.

Năm 1955, hoà bình lập lại, người ta đã cho dựng lại đình Diễm, nhưng nguyên vật liệu còn lại chỉ đủ cho toà đại đình còn 1 gian 2 chái như ngày nay.

Toàn bộ chiều dài của đình là 13,5m, chiều rộng là 6,5m.

Đình có 2 bộ vì chính với 6 hàng chân cột, liên kết các cột trong vì theo kiểu thượng rường - hạ kẻ, với vì nóc là giá chiêng - chống rường. Trước đây, đình có ván sàn nhưng bây giờ thì không còn. Các lỗ đục ở chân cột cái và cột quân để làm ván sàn còn lại ở đình Diễm đã chứng minh điều đó. Đặc biệt, ở hậu cung đình Diễm hiện còn có một ngai thờ vua Bà thủy tổ Quan họ. Hiện nay, ở khu vực xung quanh thành phố Bắc Ninh còn tồn tại 49 làng Quan họ. Trong những làng Quan họ đó, làng nào cũng nhận làng mình mới chính thức là làng Quan họ gốc, nhưng chỉ riêng ở đình làng Diễm là có ngai thờ vua Bà thủy tổ Quan họ. Chúng tôi cho rằng, có khả năng làng Diễm mới là một trong những làng Quan họ gốc so với các làng khác trên vùng đất xung quanh thành phố Bắc Ninh ngày nay.

*\* Đình Quang Húc:*

Đình Quang Húc, còn gọi là đình Bôm (vì làng Quang Húc có tên là kẻ Bôm), ở xã Đông Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Đình có niên đại khởi dựng khoảng cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII. Đình đã trải qua nhiều lần trùng tu vào các năm của thế kỷ XIX, XX và lần gần đây nhất là các năm 2005, 2008, 2010.

Đình có kết cấu chữ *Đình*, gồm có toà đại đình và hậu cung. Toà đại đình dài 24m, rộng 18m, độ cao giọt gianh là 1,8m. Đình có 3 gian, 2 chái với bốn bộ vì chính. Mỗi bộ vì có 6 hàng chân cột, chu vi cột cái là 2,5m. Liên kết các cột trong bộ vì theo kiểu thượng rường - hạ kẻ với vì nóc là chống rường - giá chiêng.

*\* Đình Tư Đình:*

Đình Tư Đình trước kia thuộc thôn Tư Đình, xã Long Biên, huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội, nay thuộc tổ 4, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đình có niên đại khởi dựng khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Đình được trùng tu vào những năm đầu thế kỷ XX (1911), dấu vết này còn được ghi lại trên câu đầu của gian giữa toà đại đình "Long phi Tân Hợi niên Kỷ Hợi nguyệt" tức là đình được sửa chữa vào tháng 10 năm 1911. Hoà bình lập lại, đình bị xuống cấp nghiêm trọng và đã được dân làng sửa chữa nhỏ. Năm 1991, đình được xếp hạng là di tích lịch sử văn hoá cấp Quốc gia. Đến năm 1996, đình được trùng tu lớn với nguồn kinh phí của Nhà nước và của nhân dân địa phương.

Hiện tại, đình có kết cấu chữ *Công*, gồm toà đại đình, trung cung và hậu cung. Toà đại đình có 5 gian, 2 chái. Có 6 bộ vì được ghép lại với nhau, mỗi bộ vì có 6 hàng chân cột, liên kết cột trong một bộ vì theo lối thượng rường - hạ kẻ, với vì nóc là chống rường.

*\* Đền thờ Trần Khát Chân:*

Đền thờ Trần Khát Chân hiện nay thuộc xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

Đền có niên đại khởi dựng thời hậu Lê và được trùng tu vào các thế kỷ XVIII, XIX. Đầu thế kỷ XIX, cụ thể là vào năm 1820, người ta đã xây dựng thêm nhà tiền tế với 5 gian 2 chái với chiều dài là 15,5m, chiều rộng là 8,5m. Năm 1890, đền được trùng tu lớn, đến năm 1930 đền lại được đại trùng tu một lần nữa. Từ năm 1930 trở lại đây, đền còn được sửa chữa một vài lần nữa, nhưng với quy mô nhỏ hơn. Đặc biệt năm 2003 Bộ Văn hoá - Thông tin đã ra quyết định công nhận đền thờ Trần Khát Chân là di tích lịch sử - văn hoá cấp Quốc gia.

Hiện nay, bình đồ kiến trúc của đền theo kiểu tiền nhất hậu đình, bao gồm nhà tiền tế, trung cung và hậu cung. Niên đại của tiền tế được làm vào thời Nguyễn (1820), niên đại của trung cung và hậu cung được xác định là vào thời Hậu Lê. Trong 3 đơn nguyên kiến trúc trên, chỉ có toà trung cung có 5 gian 2 chái với 6 bộ vì, mỗi bộ vì có 6 cột. Kết cấu bộ vì ở đây được làm theo kiểu thượng rường - hạ kê, với vì nóc là chống rường - giá chiêng.

#### \* Chùa Lâm Du:

Chùa Lâm Du thuộc thôn Lâm Du, phường Bồ Đề, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Chùa được khởi dựng vào cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, nhưng ngôi chùa hiện nay mà chúng ta đang được chiêm ngưỡng có niên đại vào đầu thời Nguyễn. Tấm bia công đức của người dân địa phương có niên đại Cảnh Hưng (1784) còn được lưu giữ ở chùa, cho biết: chùa được sửa chữa vào các năm 1773, 1783. Những tấm bia khác còn lại ở chùa có niên đại Thiệu Trị thứ 2 (1842), Tự Đức thứ 26 (1873), Tự Đức thứ 31 (1878), bia năm 1897 và bia 1914 đều có ghi về việc sửa chữa chùa. Như vậy chùa Lâm Du sau ngày khởi dựng đã liên tiếp được sửa chữa vào các năm: 1842, 1873, 1878, 1897, 1914. Nguyên nhân của các đợt trùng tu liên tiếp này được giải thích là do chùa nằm ở khu vực ngoài đê sông Hồng.

Điều đáng nói là toà tiền đường có 5 gian 2 chái với 6 bộ vì. Các bộ vì ở đây có 6 hàng chân cột, liên kết các cột theo kiểu thượng rường - hạ kê với vì nóc là chống rường - giá chiêng.

### 3. Một vài nhận xét

Kiến trúc gỗ truyền thống trong các di tích kiến trúc tôn giáo như: đình, đền, chùa, miếu... là những di sản văn hoá của Việt Nam ở khu vực phía Bắc có niên đại tồn tại từ thời hậu Lê trở lại đây. Đây là những dấu ấn vật chất lịch sử để lại của cha ông chúng ta cho các thế hệ mai sau. Điều đặc biệt của loại hình kiến trúc này là ngôi nhà tồn tại dựa trên hệ thống khung cột chịu lực mà không dùng đến hệ thống tường chịu lực. Hệ thống các cây cột chịu lực lại được các bộ phận khác liên kết chúng lại như: kê, con rường, câu đầu trong đó cái kê và các con rường đóng vai trò chủ yếu, còn câu đầu giữ vai trò thứ yếu. Cái đặc biệt của kiểu dáng kiến trúc này là người ta có thể tháo rời từng bộ phận hay từng bộ vì ra để sửa chữa hoặc di dời đi nơi khác mà không làm ảnh hưởng tới các bộ phận còn lại. Bộ vì 6 hàng chân cột là một dạng vì mà các nhà nghiên cứu cho rằng đã có sự vay mượn kiểu dáng chống rường của kiến trúc Trung Hoa. Trước đây, vào thời Lý - Trần, kiến trúc cổ Việt Nam chỉ dùng những chiếc kê để liên kết theo chiều ngang giữa các cây cột trong bộ vì. Đến thời Nguyễn, người ta kết hợp cả hai kiểu liên kết của thời Lý - Trần và của thời Lê. Như vậy về lý thuyết có thể thấy rằng, trong thời Nguyễn và Nguyễn muộ, chúng ta đã có các công trình kiến trúc gỗ của cả hai thời kỳ và như vậy có cả hai kiểu vì bốn hàng chân và sáu hàng chân.

Trong các đơn nguyên kiến trúc tôn giáo có kiểu vì 6 hàng chân cột thì kiến trúc đình làng chiếm số lượng nhiều nhất, kiến trúc đền thờ và chùa chiếm số lượng ít hơn. Nguyên nhân của hiện tượng này được giải thích như sau: trong kiến trúc đình làng, toà đại đình chiếm

giữ một vị trí chính và quan trọng, chủ yếu của một ngôi đình. Toà đại đình bao giờ cũng có niên đại sớm nhất so với các đơn nguyên còn lại. Toà đại đình còn là nơi hội họp của dân làng, là nơi làng xử các vụ kiện và xử phạt và các thành viên đã vi phạm luật lệ của làng, do đó toà nhà này cần phải được mở rộng. Và trên thực tế, vào thời Lê người ta đã mở rộng lòng nhà của toà nhà này thêm 2 hàng cột hiên tạo thành bộ vì 6 hàng chân. Còn hậu cung của đình thì xuất hiện sau toà đại đình, hơn nữa hậu cung chỉ đảm nhận chức năng thờ Thần, ngoài ra không còn chức năng nào khác.

Còn ở các chùa, đơn nguyên quan trọng nhất lại là điện Phật, toà tiền đường chỉ là nơi đặt tượng các thiên thần Phật giáo và là nơi lễ Phật. Nhưng hầu hết các ngôi chùa ở khu vực phía Bắc, Phật điện lại là một ngôi nhà dọc, lòng nhà hẹp nên không thể có kiểu vì với 6 hàng chân cột được. Hơn nữa, vào những năm đầu thế kỷ XX trong các công trình kiến trúc tôn giáo, xuất hiện một kiểu dáng kiến trúc mới mà giới chuyên môn gọi là kiểu tường hồi bít đốc. Lúc này, ngôi nhà không còn là một tầng 4 mái nữa mà là 1 tầng 2 mái. Đã xuất hiện những bức tường xây bằng gạch, ít nhiều cũng có tính chịu lực. Có lẽ vì những lý do trên mà ở các chùa Việt, thường ít có những đơn nguyên có bộ vì kiểu 6 hàng chân cột.

Còn đối với những đền thờ thần, thường thì đền bao giờ cũng có quy mô nhỏ hơn đình. Có thể vì lý do trên mà ở các đền thờ thần, về số lượng các bộ vì có kiểu 6 hàng chân cột cũng ít hơn ở các ngôi đình của cộng đồng cư dân làng xã.

Một điều đáng chú ý nữa là, bộ vì 6 hàng chân cột ở hầu hết các di tích đều có chung một kiểu liên kết cột theo chiều ngang. Cụ thể là: nối cột cái với cột quân là một chiếc xà nách và các con rường được chồng lên nhau và ngắn dần cho tới tận nóc mái. Nối cột quân

với cột hiên thường là một chiếc kẻ cong, dài vươn ra tận mái hiên để đỡ cái đòn tay cuối cùng của bộ mái thường được gọi là cái tầu đao trong kiểu kiến trúc tầu đao lá mái của Việt Nam, khác với kiến trúc tầu hộp của Trung Hoa

N.V.T

(PGS. TS, Khoa Di sản văn hóa)

#### Tài liệu tham khảo

1. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Cự (1998), *Đình Việt Nam*, Nxb. TP Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Văn Tiến (2004), *Chùa Thầy (Thiên Phúc Tự)*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
3. Vũ Tam Lang (1991), *Kiến trúc cổ Việt Nam*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội.
4. Nguyễn Bá Lăng (1972), *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Viện Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn.
5. Trịnh Cao Tường (1994), *Đình Phù Lão trong nền cảnh đình làng ở đồng bằng Bắc Bộ*, Luận án Tiến sĩ sử học, Viện khảo cổ học, Hà Nội.
6. Ngô Huy Quỳnh (1986), *Tìm hiểu kiến trúc Việt Nam*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội.
7. Ngô Huy Quỳnh (1986), *Kiến trúc Việt Nam*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 12 - 4 - 2013

Ngày phản biện, đánh giá: 6 - 9 - 2013

Ngày chấp nhận đăng: 10 - 12 - 2013